

# Dự đoán tác động kinh tế của việc Việt Nam hội nhập quốc tế

Bằng chứng từ Điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018 đối với các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

GS.TS. Edmund Malesky  
Đại học Duke, Hoa Kỳ



## Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)



# Chính sách áp thuế của Mỹ đối với hàng hóa Trung Quốc



Exhibit 1: Potential Sectors Facing US Tariffs on Imports from China

	US Imports from China (\$Bn)	Relative Trade Share (%)	Tariff Rate (%)	Imports for Year (\$Bn)	Imports from China (\$Bn)	China 2017 Share (%)
Travel Trunk	3.2	-3.2	7.6	40.1	14.3	
Small Commercial Appliances	19.1	-16.8	7.6	46.2	18.0	
Textiles and Apparel Goods	8.3	-7.8	6.0	60.8	23.9	
Shoe, Text and Luggage	16.4	-16.3	4.1	60.1	26.0	
Jewelry and Silverware	6.8	-4.4	10.8	60.3	13.9	
TVs & TV Equipment	22.3	-22.2	16.4	60.0	46.8	
Transport and Commercial Transport Instruments	0.9	-0.7	2.0	31.4	6.8	
Pharmaceuticals and Medical Products	14.7	-14.3	4.0	30.2	12.2	
Met Equipment and Shaping	2.3	-0.2	4.0	30.0	2.6	
Major Household Appliances (Refrig., Ovens, Washers)	0.9	-0.8	4.3	27.9	2.6	
Professional, Handstage and Leather Goods	0.6	-0.6	7.0	24.4	2.0	
Proteins and Other Bioproducts	0.4	-0.4	2.0	23.0	2.2	
Seafood	0.9	-0.9	3.0	21.5	6.0	
Automotive	20.2	-20.0	4.4	20.0	24.1	
Other Machinery	14.7	-14.2	3.0	19.4	5.7	
Other Non-Manufactured Goods	9.4	-8.7	7.0	18.0	10.8	
Medical Equipment	0.5	-0.2	3.0	18.0	3.4	
Food and Vegetable Canning	0.7	-0.6	9.0	16.2	6.0	
Paper and Construction Machinery	16.4	-14.2	7.0	14.7	7.2	
Paper	2.4	-1.4	4.2	14.2	6.5	
Telephone Apparatus	4.5	-4.5	4.0	13.7	10.0	
Commodities and Prepared Foods	0.4	-0.4	10.0	12.0	2.0	
Other Trunk, Bag	0.4	-0.4	20.0	11.0	1.0	
Art Glass	1.2	-1.0	6.0	10.0	10.0	
Refrigerator	1.7	-1.0	8.7	10.0	10.4	
Refrigerator and Switchboard Apparatus	1.9	-1.0	3.0	10.0	4.7	
Household Waste	2.7	-2.0	8.0	10.0	2.0	
Waxes & Cereals	4.3	-3.3	7.0	10.0	11.6	
Printed Matter	6.1	-4.4	3.2	9.0	6.1	
Intricate Communication Equip.	32.0	-28.4	3.0	71.4	26.0	
Computer Storage Devices	3.1	-2.9	3.0	5.1	4.9	
Engines and Turbines	4.2	-1.2	3.0	24.1	2.3	
Lighting Equipment	7.8	-7.8	10.0	24.1	24.1	
Trucks	18.1	-17.0	2.7	21.5	17.4	
Cables & Electrical Wiring	7.7	-5.4	3.0	20.0	10.5	
Glass, Ceramics and Wires	8.4	-7.8	6.0	19.2	6.5	
Metals, Plastics and Text	10.5	-10.5	6.0	19.0	19.0	
Printing	2.5	-2.0	4.0	12.0	1.8	
Metals and Industrial Control	6.2	-6.2	10.0	11.0	11.0	
Waxes & Paper Products	7.2	-2.0	3.0	6.3	3.1	
Auto Components	12.0	-12.0	6.0	6.2	5.1	
Plastic and Rubber Products	26.0	-22.7	5.0	19.0	14.5	
Major Business Computers	34.0	-32.0	1.0	18.0	18.0	
Cash, Trunks and Bags	0.5	-0.2	20.0	16.1	1.0	
Transportation and Distribution Apparatus	1.3	-0.7	2.0	14.4	1.3	
Beer, Wine and Liqueur	0.9	-0.1	5.0	13.0	7.0	
Electronic Sensors and Instruments	0.7	-0.8	2.0	10.0	7.0	
Jewelry	0.8	-0.8	2.0	10.0	10.0	
Wax, Resin and Resins	1.9	-0.7	6.7	17.0	3.0	
Chemicals and Pharmaceuticals	10.5	-9.0	4.0	12.0	2.0	
Other Agriculture	1.5	-1.0	6.0	21.0	4.0	
Handicrafts	0.5	-0.5	10.0	9.0	2.0	
Sheepskin Farming	0.0	0.0	3.0	3.0	3.0	
Cocoa and Beans	0.2	1.0	6.0	2.1	2.1	
Wheat, Durum, Spelt and Other	0.0	1.0	3.0	0.0	0.0	
Wheat, Durum, Spelt and Other	0.0	1.0	3.0	0.0	0.0	

Source: WTO's Trade Organization, Department of Commerce, Substantive Trade Global Investment Research

## Một số điểm chính rút ra từ Dữ liệu PCI

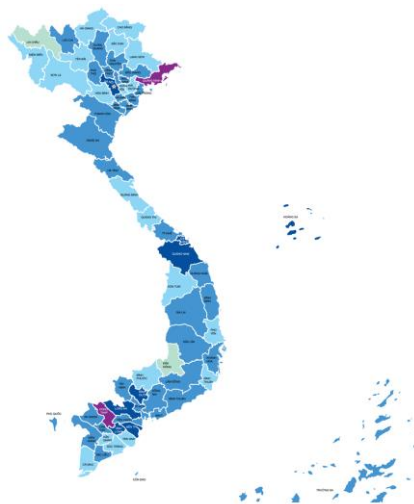
- Việc tham gia CPTPP sẽ có tác động tích cực tới sự hội nhập của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu
  - **Lý do?** Cả doanh nghiệp dân doanh trong nước và doanh nghiệp FDI đều gia tăng niềm tin đối với cơ chế giải quyết tranh chấp và sẵn sàng mở rộng hợp tác kinh doanh về dài hạn
  - Doanh thu của doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước sẽ gia tăng thêm trên 4% và có mở rộng ra ngoài phạm vi các đối tác kinh doanh hiện tại
  - Đối tác tiềm năng của những hoạt động mở rộng hợp tác làm ăn này chủ yếu là với các doanh nghiệp nằm trong chuỗi cung ứng toàn cầu (Tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp mua hàng bên thứ ba ở nước ngoài)
- Đáng lưu ý, mức thuế gia tăng 10% của chính quyền Mỹ áp lên diện rộng của hàng hóa Trung Quốc có thể sẽ dẫn tới sự cải thiện đáng kể về lao động tại các nhà máy tại Việt Nam.
  - **Lý do?** Để tận dụng cơ hội xuất khẩu mới tới Hoa Kỳ, các doanh nghiệp cần tuyển dụng nhân lực có trình độ cao hơn.
  - Những cải thiện về lao động sẽ chủ yếu liên quan tới tăng mức lương trung bình và tăng chi các khoản phúc lợi cho người lao động.



## Vấn tắt về phương pháp luận

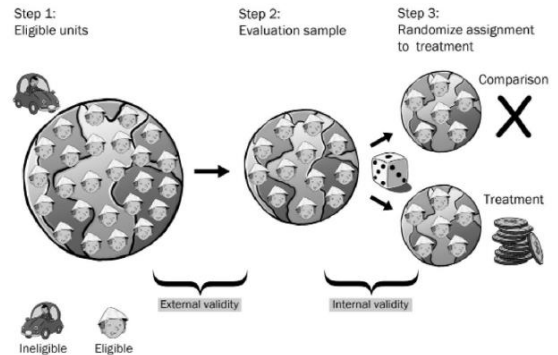
### Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu

- Điều tra doanh nghiệp dân doanh trong năm 2018
  - 10.681 doanh nghiệp
  - Trong đó, có 2.000 mới thành lập
  - Sử dụng để xây dựng chỉ số PCI, được lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng tại từng tỉnh, thành phố
  - Tỷ lệ phản hồi 30%
- Điều tra PCI-FDI 2018
  - 1.577 doanh nghiệp FDI
  - 36 nền kinh tế
  - 20 tỉnh, thành phố có mật độ DN FDI lớn nhất



# Thực nghiệm điều tra thế nào?

- Lựa chọn nhóm tham gia ngẫu nhiên
- Kiểm soát ít nhất 1 biến để đánh giá phản hồi.
- Xác định mối quan hệ nhân quả, bởi biết đích xác những gì được kiểm soát.
- Sử dụng thực nghiệm “cung cấp thông tin môi” (priming experiments) tới đối tượng điều tra theo một cách nhất định
- Sau đó đánh giá các phản hồi đối với biến kiểm soát.

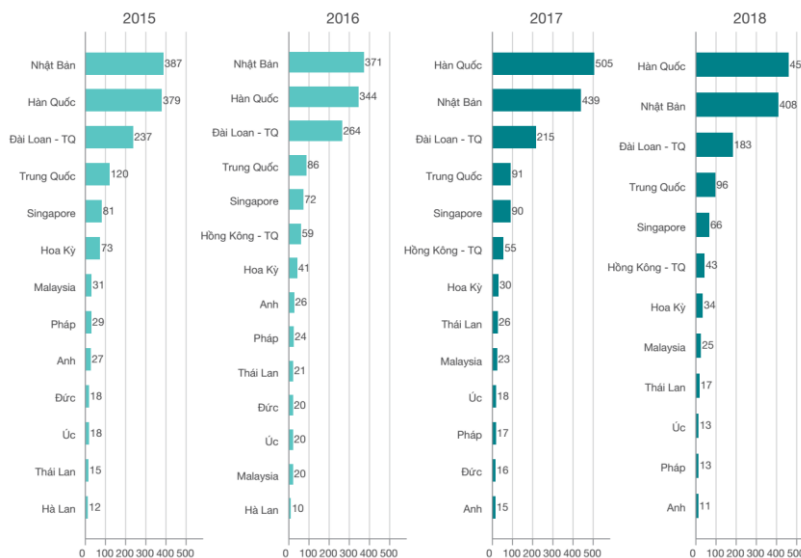


## Phân tích 1: Tác động của việc Chính quyền Mỹ áp thuế đối với hàng hóa Trung Quốc.

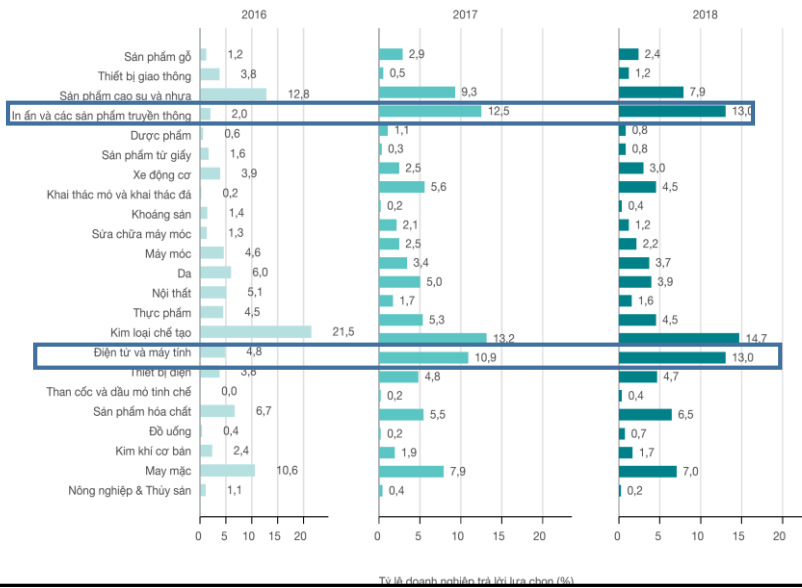
# Chuỗi giá trị toàn cầu tại Việt Nam

- Các chuỗi giá trị toàn cầu tạo ra khoảng 50-60 phần trăm tổng giá trị gia tăng của Việt Nam
- Quy mô thương mại của Việt Nam hiện tương đương hơn 200 % GDP
- Hầu hết hoạt động kinh tế này phụ thuộc vào hoạt động của các doanh nghiệp FDI
- Các DN FDI tại Việt Nam thường theo chiến lược **Trung Quốc + 1**.
  - Quy mô nhỏ và có định hướng xuất khẩu.
  - Trước đây: thường ở nấc thang giá trị thấp nhất trong chuỗi cung ứng.
    - Lắp ráp, công nghệ thấp chủ yếu trong ngành may mặc và nhựa.
  - Thành phần ngành sản xuất hiện đang bắt đầu thay đổi.

## Xuất xứ các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong Điều tra PCI-FDI



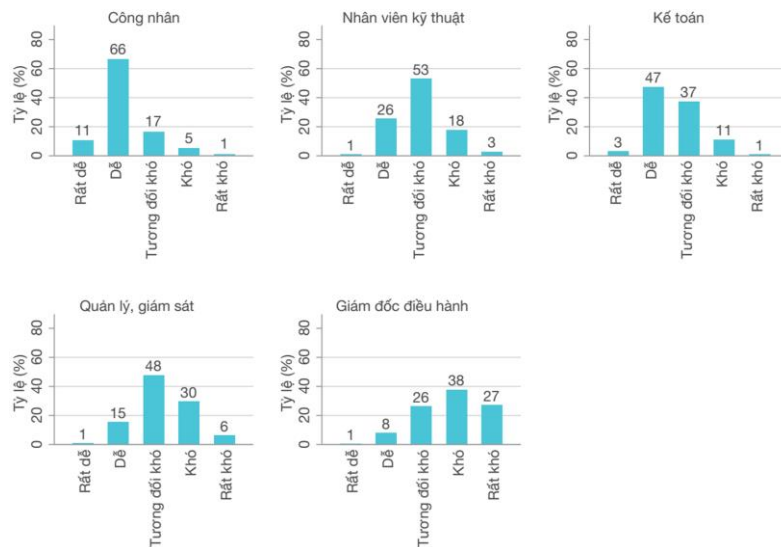
## Doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực nào?



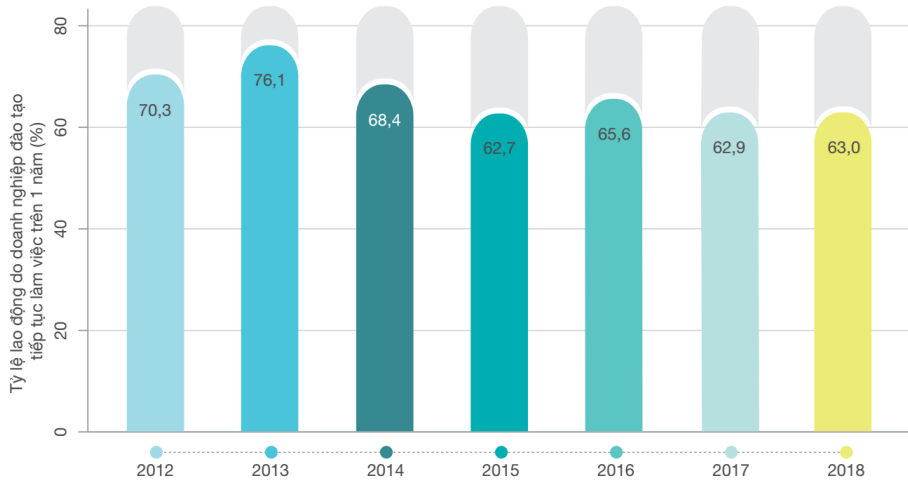
Dịch chuyển gần đây sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao hơn (điện tử, pin năng lượng mặt trời, truyền thông, thiết bị ô-tô)

Giảm trong ngành dệt may, cao su và nhựa.

## Vấn đề: DN FDI gặp khó khăn trong tuyển dụng nhân lực trình độ cao



## Vấn đề: Doanh nghiệp FDI khó khăn trong giữ chân lao động đã đào tạo



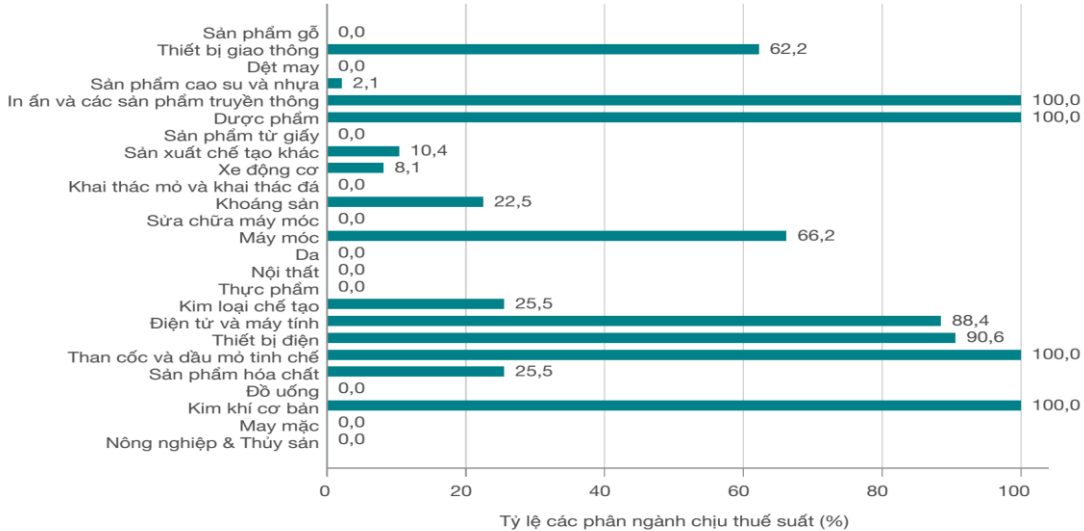
Nguồn: Điều tra PCI-FDI 2018 Câu hỏi F1.3.2 "Trung bình, bao nhiêu phần trăm trong số lao động đã được doanh nghiệp đào tạo tiếp tục làm việc trên một năm?"

## Câu hỏi nghiên cứu

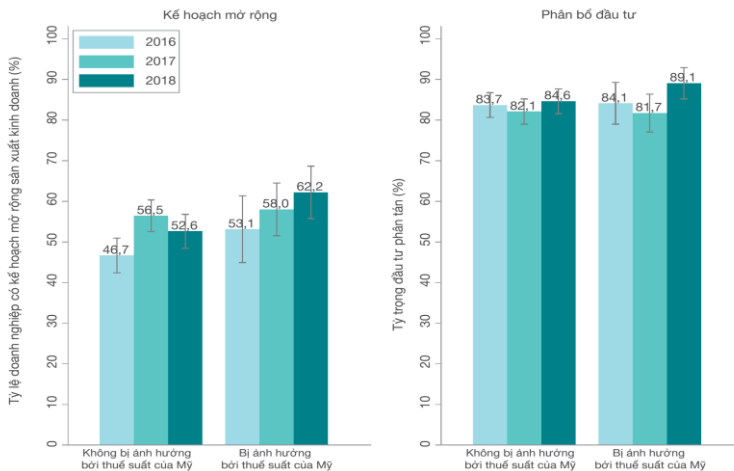
1. Liệu việc Chính quyền Mỹ áp thuế lên hàng hóa Trung Quốc có khiến doanh nghiệp FDI chuyển việc sản xuất giá trị gia tăng cao sang Việt Nam?
2. Liệu các DN FDI có cạnh tranh mạnh mẽ hơn để tuyển dụng lao động trình độ cao?
3. Liệu sự cạnh tranh đó có cải thiện điều kiện lao động tại các nhà máy tại Việt Nam?



## Những doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong diện tác động bởi việc chính quyền Mỹ áp thuế lên hàng hóa Trung Quốc



## Bảng chứng doanh nghiệp FDI gia tăng hoạt động trong những ngành chịu tác động của việc áp thuế



Năm 2018, những DN FDI sản xuất những mặt hàng nằm trong danh mục áp thuế của chính quyền Mỹ lên hàng hóa Trung Quốc đã gia tăng mức độ sẵn sàng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh lên tới 62% và đã tăng mức phân tán hoạt động đầu tư hiện tại lên 89%.

DN FDI trong các lĩnh vực mặt hàng khác có mức độ gia tăng hoạt động ít hơn đáng kể!

Nguồn: Câu hỏi A13 PKS PCI 2016-2018: Trong 2 năm tới, nhận định nào dưới đây phù hợp với kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp bạn: Hình này thể hiện tỷ lệ lựa chọn (1) Có thể tăng quy mô kinh doanh; (2) Chắc chắn tăng quy mô kinh doanh. Câu hỏi A4. PKS PCI 2016-2018 “Tỷ lệ giải ngân số vốn được cấp phép đầu tư cho đến nay là %.”



## Thực nghiệm điều tra về điều kiện lao động (2016-2018)

### F4. Giả sử tình huống sau:

Một công ty tư vấn quốc tế muốn chọn doanh nghiệp bạn cùng với 2 công ty khác trong khu vực để cung cấp bản sản phẩm cho công ty [Form A= đặt tại Mỹ/Form B = đặt tại Trung Quốc], có thị trường tại [Form A= Mỹ /Form B =Trung Quốc]. Để đủ điều kiện lọt vào vòng trong, công ty tư vấn yêu cầu doanh nghiệp chấp thuận Quy tắc lao động dành cho nhà cung cấp đa quốc gia. Quy tắc này yêu cầu tăng cường đại diện người lao động, hạn chế thời gian làm thêm và quy định các điều kiện an toàn và sức khỏe của người lao động. Tuân thủ Quy tắc này sẽ giúp doanh nghiệp có khả năng tiếp cận các hợp đồng tiềm năng từ các công ty đa quốc gia hoặc tương tự, tuy nhiên cũng sẽ làm doanh nghiệp phát sinh chi phí. Vui lòng cho chúng tôi biết doanh nghiệp sẵn sàng điều chỉnh mức chi phí tối đa (phần trăm trong chi phí hoạt động) là bao nhiêu để tuân thủ quy tắc này và đủ điều kiện giành được hợp đồng.

**F4a. Phần trăm trong chi phí hoạt động** (Vui lòng chọn mức chi phí cao nhất bạn sẵn sàng điều chỉnh):

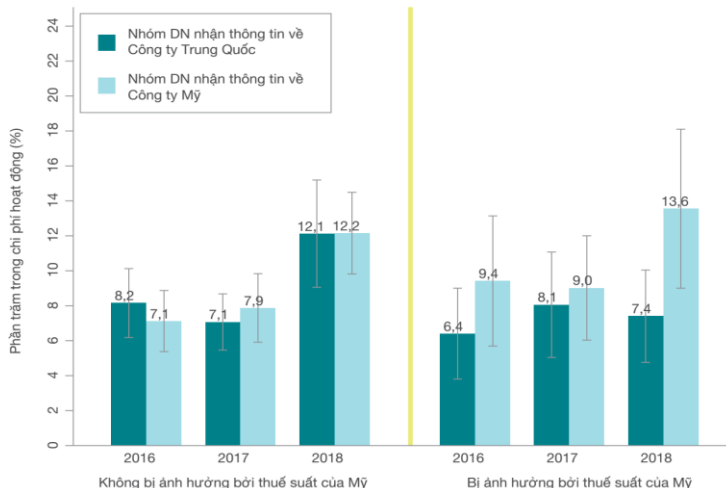
.....%  0%

**F4b. Công ty bạn nhiều khả năng sẽ tiến hành những cải cách nào nhất?**

- Tăng mức lương trung bình
- Giới hạn số giờ làm thêm
- Tăng chi cho các khoản mục an sinh xã hội
- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn và sức khỏe người lao động.
- Tăng cường đại diện của người lao động khi thương lượng với quản lý doanh nghiệp
- Khác \_\_\_\_\_

**F4c. Theo bạn, công ty tư vấn sẽ quan tâm nhất đến sản phẩm nào của doanh nghiệp bạn?**  
Vui lòng nêu tên sản phẩm tại đây:.....

## Mức độ sẵn sàng lớn hơn trong chi tiêu tuyển dụng lao động



Các doanh nghiệp FDI gia tăng mức độ sẵn sàng đối với việc nâng mức lương trung bình là hoàn toàn tập trung vào nhóm có hàng hóa nằm trong diện áp thuế của chính quyền Mỹ lên hàng hóa Trung Quốc. (Khác biệt 6,2 điểm giữa nhóm nhận thông tin về Trung Quốc và Mỹ).

Lưu ý: Hình này thể hiện các tác động dự đoán của kết quả hồi quy tuyến tính, trong đó giữ nguyên các yếu tố như thời gian hoạt động của doanh nghiệp, quy mô lao động ban đầu, và các tác động cố định ngành hai con số. Độ lệch chuẩn tập trung tại các doanh nghiệp có cùng nước xuất xứ.

## Cải cách về lao động mà doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện (Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện)

Những cải cách về lao động	Mỹ		Trung Quốc		Ước lượng khác biệt trong khác biệt (95% CI)		
	Không thuế	Có thuế	Không thuế	Có thuế	$\beta$	Thấp	Cao
Tăng mức lương trung bình	44,7	48,9	48,4	38,6	<b>13,9</b>	5,8	22,0
Giới hạn số giờ làm thêm	40,7	44,5	43,9	40,0	<b>7,6</b>	-2,8	18,1
Tăng chi cho các khoản mục an sinh xã hội	24,9	33,6	26,4	19,7	<b>15,4</b>	-2,7	33,5
Tăng cường công tác bảo đảm an toàn và sức khỏe người lao động	55,1	53,2	50,2	45,6	<b>2,7</b>	-8,4	13,8
Tăng cường đại diện của người lao động trong thương lượng với chủ doanh nghiệp	19,2	19,7	18,4	11,6	<b>7,4</b>	-1,6	16,3
Khác	0,6	3,3	2,9	2,1	<b>3,4</b>	-1,4	8,3

Chú thích: Bảng này thể hiện tác động ước lượng của kết quả hồi quy tuyến tính, kiểm soát về số năm hoạt động, quy mô lao động ban đầu của doanh nghiệp, hiệu ứng cố định mã ngành cấp 2. Sai số chuẩn được nhóm trong số các doanh nghiệp có cùng xuất xứ nhà đầu tư.

## Tóm lược

- Tranh chấp thương mại Mỹ-Trung đang tạo hiệu ứng tích cực đối với người lao động Việt Nam
- Các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam gia tăng hoạt động trong những lĩnh vực nằm trong diện áp thuế với hàng hóa Trung Quốc.
- Các doanh nghiệp FDI sẵn sàng chi trả mức lương cao hơn và đưa ra các điều kiện phúc lợi tốt hơn để thu hút lao động Việt Nam có tay nghề, nhằm đáp ứng việc sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Sự gia tăng trong mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp FDI đối với việc tăng lương hoàn toàn tập trung trong nhóm hàng hóa Trung Quốc bị áp thuế bởi Chính quyền Mỹ
  - Những doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nằm trong diện áp thuế sẵn sàng chi tiêu thêm 6.2 điểm phần trăm để cải thiện về lao động khi họ thấy có cơ hội xuất khẩu tới thị trường Mỹ (chi phí 13,6% cao hơn) thay vì là thị trường Trung Quốc (chi phí 7.4% cao hơn).
  - Những chi phí này tập trung vào mức lương và phúc lợi cao hơn. Các DN ít hào hứng hơn với việc chi tiêu vào tăng cường đảm bảo điều kiện lao động hoặc tăng cường đại diện của người lao động.



## Phân tích 2: Tác động của CPTPP đối với việc giao kết hợp đồng quốc tế

### Doanh nghiệp dân doanh trong nước chưa hội nhập sâu vào các chuỗi cung ứng

“Việt Nam đặt mục tiêu nâng cấp và dịch chuyển lên nấc thang cao hơn của chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường sự liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp FDI”

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại Hội nghị Thượng đỉnh kinh doanh Việt Nam - Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) về ASEAN, ngày 13/9/2018

Khách hàng chính của doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI

Năm	Ở trong nước			
	DNNN	Cơ quan NN	Cá nhân	DN tư nhân
	%	%	%	%
2016	24,7	28,9	61,6	62,1
2017	22,8	27,8	63,9	60,5
2018	23,8	27,8	65,7	63,8
Năm	Ở nước ngoài			
	Cá nhân nước ngoài	DN nước ngoài	Xuất khẩu trực tiếp	Xuất khẩu gián tiếp
	%	%	%	%
2016	7,8	14,1	9,8	7,5
2017	7,0	13,9	8,4	6,8
2018	7,7	14,6	8,4	7,4

Dựa trên câu hỏi A11, “Khách hàng của doanh nghiệp bạn là ai (Chọn tất cả các nhóm phù hợp).”

## Vấn đề: Doanh nghiệp thiếu niềm tin vào tòa án

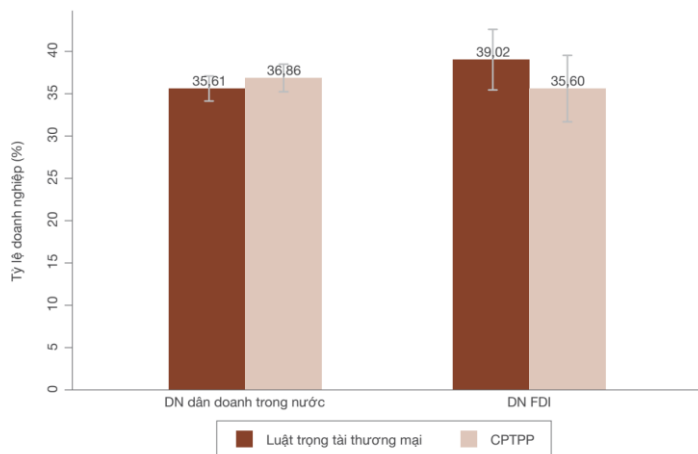
Chi tiêu đánh giá	DN tư nhân	DN FDI
	%	%
Có tranh chấp trong vòng 2 năm qua	3,9	20,2
Sẽ sử dụng tòa án khi có tranh chấp	39,4	2
Lý do DN không sử dụng tòa án		
Thời gian giải quyết tranh chấp quá dài	35,8	7,8
Chi phí giải quyết tranh chấp cao	23	5,1
Lo ngại tình trạng “chạy án”	23,2	3,5
Trình độ cán bộ tòa án chưa đáp ứng yêu cầu	8,3	1,4
Khó giữ bí mật kinh doanh	16	2,5
Có các phương thức khác phù hợp hơn	40	15,4

## Vấn đề: DN FDI thiếu tin tưởng vào các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế

Ngoài tòa án, doanh nghiệp bạn sử dụng phương thức nào để đảm bảo việc thực thi hợp đồng tại địa phương (Chọn các mục phù hợp)	%
Trung tâm trọng tài nước ngoài	18,07
Trung tâm trọng tài trong nước	18,49
Khiếu nại tới quan chức địa phương	15,97
Khiếu nại tới Đại sứ quán/lãnh sự quán của nước mình	10,08
Lập hợp đồng có điều khoản khuyến khích và tổ chức thực hiện để đảm bảo việc tuân thủ hợp đồng	41,60
Chỉ hợp tác kinh doanh với bạn bè thân thiết và người thân trong gia đình	2,52
Nhờ người có ảnh hưởng trong chính quyền tác động giải quyết	5,88
Đưa vụ việc ra báo chí	3,36
Sử dụng nhóm, tổ chức xã hội đen	0,42

## Đa phần các DN không biết về các quy định pháp luật bảo vệ giao kết hợp đồng trong nước và nước ngoài

(Tỷ lệ DN biết tới văn bản pháp lý được cung cấp (%))

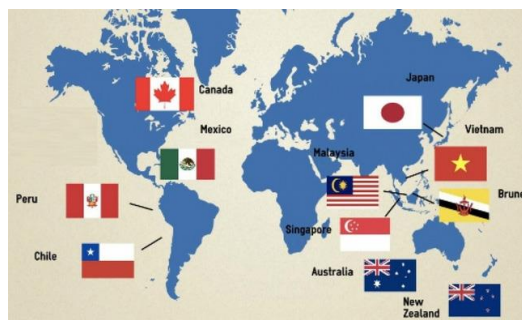


Khoảng tin cậy 95%; n=8.693 (DN trong nước\_Luật TTTM=4.030; DN trong nước\_CPTPP=3.375; DN FDI\_Luật TTTM=715; DN FDI\_CPTPP=573)

## Câu hỏi nghiên cứu

Nếu được biết về cơ chế bảo vệ pháp lý mới sẵn có trong Chương 28 Hiệp định CPTPP, liệu doanh nghiệp có tự tin hơn để giao kết hợp đồng/làm ăn với những đối tác mới tại Việt Nam?

- Các bảo vệ bao gồm:
  - Trọng tài thương mại trong nước và trọng tài thương mại quốc tế
  - Cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế (ISDS).



## Thực nghiệm điều tra

**5. MẪU A:** “Việt Nam đã thông qua **Luật Trọng tài thương mại** vào năm 2010. Điều 2 và 5 của Luật Trọng tài thương mại này cho phép các doanh nghiệp tại Việt Nam có nhiều lựa chọn hơn trong việc giải quyết tranh chấp với các đối tác kinh doanh. *Luật cho phép các bên tranh chấp có thể giải quyết không chỉ qua trọng tài bắt buộc tại các tòa án kinh tế Việt Nam mà còn qua các trung tâm trọng tài trong nước và quốc tế khác. Các điều luật này bảo vệ các doanh nghiệp không bị phân biệt đối xử, tịch thu tài sản không bồi thường, bị từ chối xét xử, vi phạm sở hữu trí tuệ và đảm bảo sự di chuyển vốn tự do.*”

**5. MẪU B:** “Việt Nam gần đây đã tham gia **Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**, một thỏa thuận thương mại và đầu tư quốc tế với mười một quốc gia thành viên. Chương 28 của hiệp định quốc tế này cho phép các doanh nghiệp tại Việt Nam có nhiều lựa chọn hơn trong việc giải quyết tranh chấp với các đối tác kinh doanh. *Luật cho phép các bên tranh chấp có thể giải quyết không chỉ qua trọng tài bắt buộc tại các tòa án kinh tế Việt Nam mà còn qua các trung tâm trọng tài trong nước và quốc tế khác. Các điều luật này bảo vệ các doanh nghiệp không bị phân biệt đối xử, tịch thu tài sản không bồi thường, bị từ chối xét xử, vi phạm sở hữu trí tuệ và đảm bảo sự di chuyển vốn tự do.*”

## Tác động của Văn bản pháp lý được cung cấp đến tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp là bao nhiêu?

5.4. “Vui lòng ước tính tác động của [**Form A=Luật Trọng tài thương mại /Form B= Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**] đến tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp bạn trong năm tới (Chỉ trả lời một trong các phương án dưới đây).”

Tăng \_\_\_\_\_%

Giảm \_\_\_\_\_%

Giữ nguyên\_00%

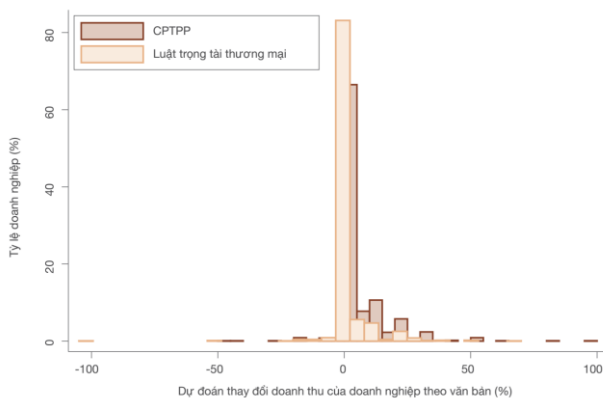
## Doanh nghiệp sẽ gia tăng làm ăn kinh doanh với đối tác nào?

**5.3.** “Chúng tôi muốn biết liệu các điều khoản của [**Form A=Luật Trọng tài thương mại /Form B= Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**] này có ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh của doanh nghiệp bạn tại Việt Nam không.” Với các quy định như vậy, khả năng doanh nghiệp bạn sẽ thay đổi như thế nào trong việc làm ăn kinh doanh với các đối tác sau?”

Đối tác	Ít hơn nhiều	Ít hơn	Ít hơn một chút	Không thay đổi	Nhiều hơn một chút	Nhiều hơn	Nhiều hơn nhiều
	1	2	3	4	5	6	7
5.3.1. Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam							
5.3.2. Doanh nghiệp nhà nước Việt Nam							
5.3.3. Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam							
5.3.4. Chi nhánh của các tập đoàn đa quốc gia							
5.3.5. Doanh nghiệp mua hàng bên thứ ba ở nước ngoài							

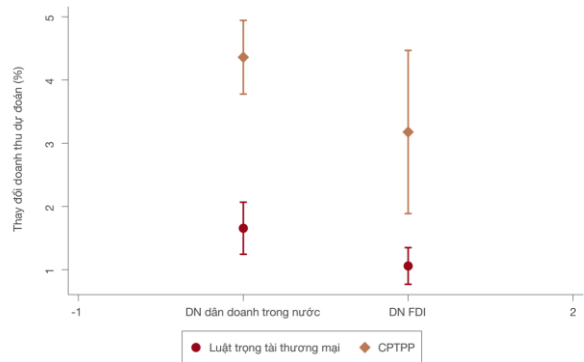
## Tác động đến tăng trưởng doanh thu là bao nhiêu?

### Phân bố thay đổi doanh thu dự đoán theo cảm nhận của doanh nghiệp



n=2.347; LCA=1.341; CPTPP=1.006

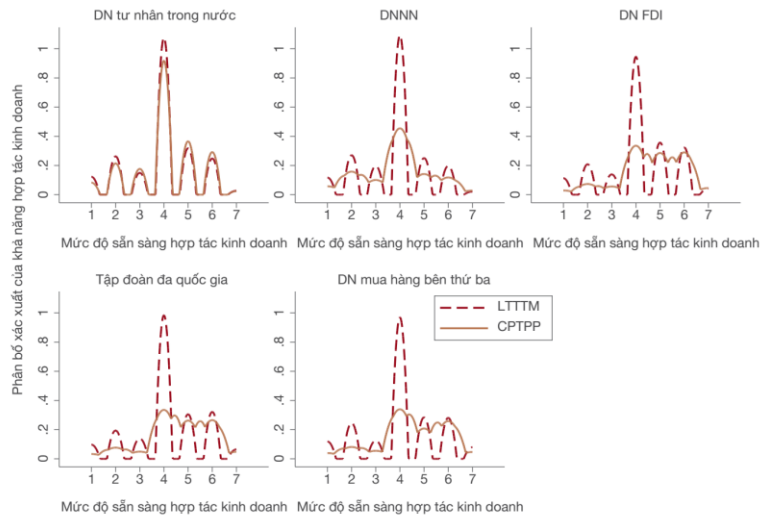
### Tác động đến tăng trưởng doanh thu dựa trên hồi quy tuyến tính



Phụ lục 3.4 Tác động dự đoán (Mô hình 2). Hồi quy OLS với SEs gom cụm theo ngành sản xuất với hiệu ứng cố định mã ngành cấp 2

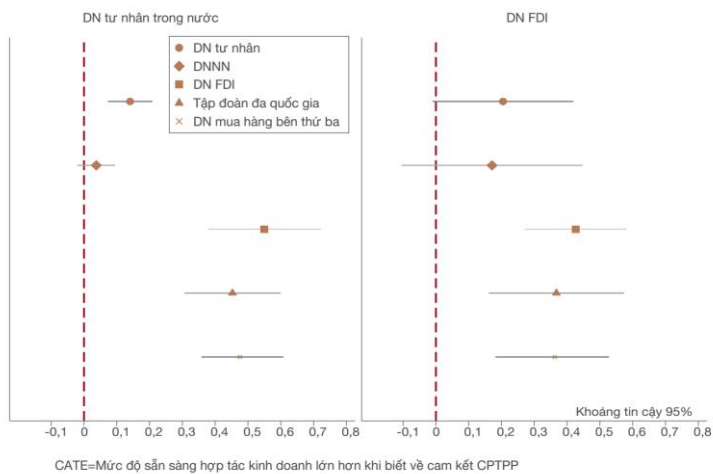
# Gia tăng hoạt động kinh doanh với đối tác nào?

## (Phân bố sơ bộ về xu hướng)



# Gia tăng hoạt động kinh doanh với đối tác nào?

## (Kết quả hồi quy)



CATE=Mức độ sẵn sàng hợp tác kinh doanh lớn hơn khi biết về cam kết CPTPP

Predicted Effects of OLS with SEs clustered by broad industry with fixed effects for sector at two-digit ISIC level



## Tóm lược

- Việc tham gia CPTPP sẽ có tác động tích cực trong việc tăng cường hội nhập của Việt Nam vào các chuỗi giá trị toàn cầu.
- Cả Luật TTTM và CPTPP đều tăng cơ hội mở rộng hợp tác kinh doanh, song CPTPP có vai trò lớn hơn.
  - Với các DN dân doanh trong nước, mức gia tăng doanh thu dự đoán là 1,65% đối với những DN được cung cấp thông tin về LTTTM và 4,3% với nhóm được cung cấp thông tin về CPTPP (Khác biệt 2,7 điểm phần trăm).
  - Với các doanh nghiệp FDI, sự khác biệt là nhỏ hơn ở mức 2,12 điểm phần trăm (lần lượt với 2 nhóm là 1,05% và 3,18%), nhưng vẫn có ý nghĩa về mặt thống kê.
  - Hiệu ứng tích cực của quốc tế hóa thực thi hợp đồng không khác biệt quá lớn giữa DN dân doanh trong nước và doanh nghiệp FDI.
- Đối tác hợp tác kinh doanh chắc chắn nhất cho các hoạt động gia tăng là các doanh nghiệp FDI, tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp mua hàng bên thứ ba nước ngoài, chính xác là những bên tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Trong khi CPTPP cũng có tác động tích cực tới việc mở rộng đối tác tiềm năng ra các doanh nghiệp dân doanh trong nước, quy mô của việc mở rộng này là rất nhỏ.
- **Dù vậy:** Hiệu ứng có thể cao hơn, nếu như các doanh nghiệp biết nhiều hơn về các cơ chế bảo vệ pháp lý sẵn có cho họ.